

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 49/2017/HNGĐ-PT  
Ngày 13-11-2017  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị An Tiên;

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Thu Trang;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2017/TLPT–HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 71/2017/HNGĐ-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2017/QĐ-PT ngày 26/10/2017, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị **Lê Thị Bé H**, sinh năm 1996; Địa chỉ ĐKKHKT: ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt).

***- Bị đơn:*** Anh **Tạ Thành U**, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Trịnh Văn I** – Luật sư của Chi nhánh văn phòng luật sư E thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q. (Có mặt)

*Người kháng cáo:* Anh Tạ Thành U.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn chị Lê Thị Bé H trình bày:** Chị và anh U tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 26/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình và cách sống không phù hợp, thường xuyên xảy ra bất hòa, đánh nhau. Từ tháng 01-2017, chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị và anh U có 01 con chung tên Tạ Thị Thúy K, sinh ngày 10/5/2012, hiện đang sống với anh U. Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Tạ Thành U trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống kết hôn, con chung; tài sản chung, nợ chung không có. Cuộc sống vợ chồng anh chị vẫn bình thường, không có mâu thuẫn trầm trọng. Nhưng do chị H bị bùa ngải nên ly hôn với anh. Anh còn tình cảm với vợ, thương con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án cho vợ anh ly hôn thì anh yêu cầu nuôi con do từ nhỏ con ở chung với anh và gia đình anh, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, vì anh có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2017/HNGĐ-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bé H và anh Tạ Thành U được ly hôn.
- Về con chung:

Buộc anh Tạ Thành U giao con chung Tạ Thị Thúy K, sinh ngày 10-5-2012 cho chị Lê Thị Bé H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

Anh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Ghi nhận chị H, anh U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

**\* Nội dung kháng cáo:** Ngày 24/8/2017 anh Tạ Thành U kháng cáo bản án sơ thẩm: Anh yêu cầu xem xét cho anh được quyền nuôi con, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:**

Chị Lê Thị Bé H và anh Tạ Thành U thống nhất anh U có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Thị Thúy K.

Anh U không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

**\* Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật BLTTDS; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

[2] Án phí sơ thẩm: Anh U, chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Án phí phúc thẩm: Anh U phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27, Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 71/2017/HNGĐ-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bé H và anh Tạ Thành U được ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Tạ Thành U có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Thị Thúy K, sinh ngày 10-5-2012.

Anh U không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004343 ngày 13/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị H đã nộp xong.

**4. Án phí dân sự phúc thẩm:**

Anh Tạ Thành U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh U đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004467 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh U đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- TAND TP.T;
- Chi cục THADS TP.T;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**Nguyễn Thị An Tiên**